

Số: 118/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng  
phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản;  
lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

## **Điều 2. Người nộp phí, lệ phí**

1. Tổ chức, cá nhân khi được Tổ chức quản lý cảng cá thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản thì phải nộp phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản.

2. Tổ chức, cá nhân khi được Chi cục Thủy sản cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

## **Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí**

1. Tổ chức quản lý cảng cá thu phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản.

2. Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thu lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

## **Điều 4. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí, lệ phí thực hiện như sau:

<b>Stt</b>	<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Mức thu</b>
1	Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản	150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn). Tối đa 700.000 đồng/lần.
2	Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản:	
a	Cấp mới	40.000 đồng/lần
b	Gia hạn hoặc cấp lại	20.000 đồng/lần
c	Đổi giấy phép do đổi nội dung trong giấy phép	40.000 đồng/lần
3	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động thủy sản đối với tàu cá nước ngoài:	
a	Cấp mới	200 USD/lần
b	Gia hạn hoặc cấp lại	100 USD/lần
c	Đổi giấy phép do đổi nội dung trong giấy phép	200 USD/lần

## **Điều 5. Kê khai, nộp phí, lệ phí**

1. Chậm nhất là ngày 20 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý

thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

## **Điều 6. Quản lý phí, lệ phí**

### **1. Đối với tổ chức thu phí:**

a) Tổ chức quản lý cảng cá là đơn vị sự nghiệp công lập: Tổ chức quản lý cảng cá trích 90% số tiền phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản thu được để chi cho các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành.

b) Tổ chức quản lý cảng cá là doanh nghiệp: Tiền phí thu được là doanh thu của Tổ chức quản lý cảng cá. Tổ chức quản lý cảng cá được giữ lại 100% số tiền phí thu được để trang trải cho việc thu phí và phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý cảng cá lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn.

2. Đối với tổ chức thu lệ phí: Nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Bãi bỏ các quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản quy định tại Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử

dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). (360 b)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

Số: **02** /SY - UBND

**Nơi nhận:**

- Gửi bản điện tử:
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- CT, PCT UBND tỉnh (Bà Hoa);
- CVP, PCVP (Ô. Thất);
- Lưu: VT, Cúc.

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Bắc Kạn, ngày **05** tháng 01 năm 2019

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Đình Thất**